

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hoảng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoảng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017)
Ông Nguyễn Đại Thụ	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đình Văn Duẩn
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Số: 365 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2013-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.302.557.298	109.064.083.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.048.168.167	4.176.547.688
1. Tiền	111		2.470.714.992	3.176.547.688
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.577.453.175	1.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.516.101.826	69.470.213.660
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	62.020.124.613	73.931.000.193
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		312.130.835	431.848.831
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.034.044.240	7.034.044.240
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	12.539.408.501	14.179.912.441
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.389.606.363)	(26.106.592.045)
III. Hàng tồn kho	140	9	37.510.558.542	35.219.947.554
1. Hàng tồn kho	141		37.510.558.542	35.219.947.554
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		227.728.763	197.374.643
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		227.728.763	197.374.643
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.018.737.376	22.059.121.917
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.725.188.811	16.307.203.638
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	15.577.809.823	15.109.660.864
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.147.378.988	1.197.542.774
II. Tài sản cố định	220		1.343.847.831	1.256.766.702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.343.847.831	1.256.766.702
- Nguyên giá	222		21.904.723.968	21.508.723.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.560.876.137)	(20.251.957.266)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	2.193.032.337	1.670.403.555
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.193.032.337	1.670.403.555
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	2.708.641.616	2.687.160.734
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	1.837.000.000	1.837.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	4.374.000.000	4.374.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.502.358.384)	(3.523.839.266)
V. Tài sản dài hạn khác	260		48.026.781	137.587.288
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		48.026.781	137.587.288
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		122.321.294.674	131.123.205.462

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		72.767.566.814	79.795.065.191
I. Nợ ngắn hạn	310		63.263.088.532	69.833.368.540
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.709.566.735	5.906.874.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.630.523.347	19.675.407.445
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.615.654.103	1.270.273.103
4. Phải trả người lao động	314		18.333.601.523	23.774.897.006
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.581.699.245	854.096.269
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	17.203.563.549	16.394.591.004
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	3.045.957.229	1.161.579.609
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.142.522.801	795.649.555
II. Nợ dài hạn	330		9.504.478.282	9.961.696.651
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	4.235.707.960	4.757.614.369
2. Phải trả dài hạn khác	337	16	3.897.940.019	4.111.994.643
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	700.417.984	421.675.320
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319	670.412.319
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.553.727.860	51.328.140.271
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	49.553.727.860	51.328.140.271
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712	8.502.618.712
3. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.387.458.313	13.287.458.313
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.567.170.835	3.441.583.246
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.567.170.835	3.441.583.246
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		122.321.294.674	131.123.205.462


Phạm Minh Thuận
 Người lập biểu


Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng


Đình Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		32.172.290.526	29.978.871.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		32.172.290.526	29.978.871.521
4. Giá vốn hàng bán	11		25.002.752.246	22.350.978.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.169.538.280	7.627.893.480
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	248.966.348	642.754.005
7. Chi phí tài chính	22	24	135.911.023	103.011.684
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		137.391.905	88.187.607
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	4.360.739.199	6.005.438.357
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		2.921.854.406	2.162.197.444
10. Thu nhập khác	31	25	5.368.172	65.590.908
11. Chi phí khác	32	26	790.607.227	344.122.843
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(785.239.055)	(278.531.935)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.136.615.351	1.883.665.509
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	569.444.516	338.723.102
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.567.170.835	1.544.942.407


 Phạm Minh Thuận
 Người lập biểu


 Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng


 Đinh Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.136.615.351	1.883.665.509
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	308.918.871	420.471.362
Các khoản dự phòng	03	(738.466.564)	178.897.269
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(248.858.772)	(54.681.818)
Chi phí lãi vay	06	137.391.905	88.187.607
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.595.600.791	2.516.539.929
Thay đổi các khoản phải thu	09	10.965.223.104	(2.575.492.833)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.290.610.988)	(3.850.823.494)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.001.609.832)	2.303.565.863
Thay đổi chi phí trả trước	12	59.206.387	209.776.848
Tiền lãi vay đã trả	14	(137.391.905)	(88.187.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(770.784.237)	(146.888.639)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.319.314.041	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(385.000.000)	(623.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(646.052.639)	(2.255.009.933)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(862.881.136)	(113.750.858)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	54.681.818
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	217.433.970	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(645.447.166)	(59.069.040)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.694.454.935	2.210.569.950
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.531.334.651)	(2.775.757.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.163.120.284	(565.187.379)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	871.620.479	(2.879.266.352)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.176.547.688	7.957.923.797
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	5.048.168.167	5.078.657.445


Phạm Minh Thuận
 Người lập biểu


Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng




Đinh Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 sửa đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 278 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 302 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động thiết kế dân dụng
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà.
- Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân riêng và hạch toán phụ thuộc:
- Xí nghiệp khảo sát xây dựng;
 - Trung tâm thí nghiệm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ tương ứng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



Các khoản đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Kỳ này
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

125
V
H
O
T

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời điểm năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	472.970.816	227.572.718
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.997.744.176	2.948.974.970
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>2.577.453.175</u>	<u>1.000.000.000</u>
	<u>5.048.168.167</u>	<u>4.176.547.688</u>

(i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thể hiện số dư tiền gửi giá trị 2.577.453.175 VND (31 tháng 12 năm 2016: 1 tỷ VND) có kỳ hạn gốc là 1 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
	VND		VND	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con:	1.837.000.000	(1.102.358.384)	1.837.000.000	(1.027.728.913)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	1.837.000.000	(1.102.358.384)	1.837.000.000	(1.027.728.913)
- Đầu tư vào đơn vị khác:	4.374.000.000	(2.400.000.000)	4.374.000.000	(2.496.110.353)
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng - Kratie	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	474.000.000	-	474.000.000	(96.110.353)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (Sodic)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	62.020.124.613	73.931.000.193
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	6.013.718.806	5.820.556.757
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Ban điều hành dự án thủy điện Xêkaman 3	3.725.238.425	5.271.107.133
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.301.591.751	3.374.960.965
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị & Nông thôn Sông Đà	3.252.896.478	3.252.896.478
Các khoản phải thu khách hàng khác	40.120.867.061	50.605.666.768
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	15.577.809.823	15.109.660.864
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	2.790.096.819	2.816.437.001
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak đrinh	2.336.258.537	2.370.646.709
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.595.593.712	9.066.716.399
	77.597.934.436	89.040.661.057
c. Phải thu khách hàng các bên liên quan trọng yếu (Thuyết minh số 30)	30.602.154.400	32.065.888.846
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.763.542.552	30.089.322.568
- Phải thu dài hạn của khách hàng	3.838.611.848	1.976.566.278

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Ngắn hạn	12.539.408.501	14.179.912.441
- Cầm cố, ký cược ngắn hạn (i)	6.005.520.035	8.289.010.472
- Tạm ứng cho các tổ, đội	3.451.235.486	3.214.324.110
- Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077
- Cổ tức phải thu của các đơn vị nhận đầu tư	238.050.000	238.050.000
- Phải thu ngắn hạn khác	809.614.903	403.539.782
b. Dài hạn	1.147.378.988	1.197.542.774
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	400.109.576	435.933.180
- Các khoản phải thu khác	747.269.412	761.609.594
	13.686.787.489	15.377.455.215
c. Phải thu các bên liên quan trọng yếu (Thuyết minh số 30)	2.034.988.077	2.034.988.077
- Phải thu ngắn hạn khác	2.034.988.077	2.034.988.077

(i) Khoản cầm cố, ký cược ngắn hạn bao gồm khoản 5.486.402.984 VND giá trị chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn phát hành ngày 29 tháng 7 năm 2015 được cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Công ty theo các hợp đồng cấp tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân theo Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cầm cố giấy tờ số 01/2017-HĐCC-SĐBS02/NHCT127-TVSD ngày 24 tháng 01 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

8. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu						
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	4.485.510.105	670.601.362	(3.814.908.743)	5.863.164.160	2.797.184.513	(3.065.979.647)
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	670.601.362	670.601.362	-	2.797.184.513	2.797.184.513	-
- Quá hạn thanh toán trên 6 tháng	3.814.908.743	-	(3.814.908.743)	3.065.979.647	-	(3.065.979.647)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6.461.672.847	3.023.443.020	(3.438.229.827)	6.461.672.847	3.023.443.020	(3.438.229.827)
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	855.860.755	855.860.755	-	2.923.443.020	2.923.443.020	-
- Quá hạn thanh toán trên 6 tháng	5.605.812.092	2.167.582.265	(3.438.229.827)	3.538.229.827	100.000.000	(3.438.229.827)
Công ty Cổ phần Đô thị và Phát triển Nông thôn Sông Đà	3.252.896.478	102.364.362	(3.150.532.116)	3.252.896.478	102.364.362	(3.150.532.116)
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	-	-	-	-	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 6 tháng	3.252.896.478	102.364.362	(3.150.532.116)	3.252.896.478	102.364.362	(3.150.532.116)
Đối tượng khác	77.084.642.495	62.098.706.818	(14.985.935.677)	88.840.382.787	72.388.532.332	(16.451.850.455)
	91.284.721.925	65.895.115.562	(25.389.606.363)	104.418.116.272	78.311.524.227	(26.106.592.045)

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.663.799	-	2.759.179	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.505.894.743	-	35.217.188.375	-
	37.510.558.542	-	35.219.947.554	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09 a-DN

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	436.952.851	1.923.300.797	(1.642.030.814)	718.222.834
Thuế thu nhập doanh nghiệp	257.664.073	869.907.825	(770.784.237)	356.787.661
Thuế thu nhập cá nhân	8.999.940	621.932.055	(625.230.156)	5.701.839
Tiền thuê đất/thuế đất	534.932.480	55.574.383	(55.574.383)	534.932.480
Các khoản phải nộp khác	31.723.759	280.046.170	(311.760.640)	9.289
	1.270.273.103	3.750.761.230	(3.405.380.230)	1.615.654.103

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	5.788.013.550	8.476.041.445	7.025.743.173	218.925.800	21.508.723.968
Tăng trong kỳ	-	396.000.000	-	-	396.000.000
Số dư cuối kỳ	5.788.013.550	8.872.041.445	7.025.743.173	218.925.800	21.904.723.968
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	5.788.013.550	7.261.843.655	7.025.743.173	176.356.888	20.251.957.266
Khấu hao trong kỳ	-	272.431.239	-	36.487.632	308.918.871
Số dư cuối kỳ	5.788.013.550	7.534.274.894	7.025.743.173	212.844.520	20.560.876.137
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	-	1.214.197.790	-	42.568.912	1.256.766.702
Tại ngày cuối kỳ	-	1.337.766.551	-	6.081.280	1.343.847.831

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 lần lượt là 1.201.889.765 VND và 0 VND (tại 31 tháng 12 năm 2016 là 1.030.204.364 VND và 0 VND) để đảm bảo các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.634.234.936 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.502.234.936 VND).

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Căn hộ thuộc dự án City view Sông Đà - Hà Đông	1.074.800.750	1.074.800.750
- Sửa chữa nhà G9	1.118.231.587	595.602.805
	2.193.032.337	1.670.403.555

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lại Xá - Xã Thanh Thủy - Huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương	73,48%	73,48%	Xử lý nước, dịch vụ và trang thiết bị

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Lợi, Xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,60%	0,60%	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	Nhà G10 số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Hà Nội	10%	10%	Tư vấn kỹ thuật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (i)	Tầng 2, Tòa nhà CT4 - Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	3,97%	3,97%	Xây dựng và bất động sản

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà ngày 23 tháng 4 năm 2016 và ngày 22 tháng 4 năm 2017 phê duyệt chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 và năm 2016 của công ty này là 10% bằng cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2017 không thay đổi so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 mặc dù số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại công ty này tăng lên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà là 218.213 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.709.566.735	5.709.566.735	5.906.874.549	5.906.874.549
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1	1.051.294.516	1.051.294.516	1.051.294.516	1.051.294.516
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	602.821.170	602.821.170	602.821.170	602.821.170
Các đối tượng khác	4.055.451.049	4.055.451.049	4.252.758.863	4.252.758.863
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	4.235.707.960	4.235.707.960	4.757.614.369	4.757.614.369
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560
Viện Thiết kế Thủy công TASKENT	810.664.418	810.664.418	810.664.418	810.664.418
Ban điều hành dự án Thủy điện Xêkaman 3	-	-	577.654.055	577.654.055
Các đối tượng khác	1.794.602.982	1.794.602.982	1.738.855.336	1.738.855.336
	9.945.274.695	9.945.274.695	10.664.488.918	10.664.488.918

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn	17.203.563.549	16.394.591.004
- Phải trả các tổ, đội thi công	12.022.561.980	13.990.299.260
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	406.766.826	409.024.926
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	4.774.234.743	1.995.266.818
b) Dài hạn	3.897.940.019	4.111.994.643
% giữ lại chờ hết hạn bảo hành	3.897.940.019	4.111.994.643
	21.101.503.568	20.506.585.647

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản phải trả khác bao gồm khoản phải trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 2.609.710.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 32/NQ/2017/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ VND		Trong kỳ VND		Số cuối kỳ VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.099.879.609	1.099.879.609	4.322.779.841	(2.376.702.221)	3.045.957.229	3.045.957.229
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số 18)	61.700.000	61.700.000	154.632.430	(216.332.430)	-	-
	1.161.579.609	1.161.579.609	4.477.412.271	(2.593.034.651)	3.045.957.229	3.045.957.229

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/HĐTDHM/NHCT127-TVSD ngày 10 tháng 01 năm 2017. Hạn mức tối đa là 20.000.000.000 VND để thanh toán tiền lương phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gồm: tư vấn, thiết kế, thí nghiệm, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình thủy điện. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng: tất cả các quyền, quyền sở hữu và quyền lợi ích đối với quyền sử dụng 966,4 m2 đất tại địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; mục đích sử dụng đất: đất cơ sở, kinh doanh; thời hạn thuê: 869,92 m2 thuê 50 năm kể từ ngày 28/10/2008; 96,6 m2 thuê hàng năm, nguồn gốc sử dụng: đất nhà nước trả tiền hàng năm; 01 xe ô tô TOYOTA HIACE sản xuất năm 2007 và 01 xe ô tô con TOYOTA CAMRY sản xuất 2001; một phần 01 chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số VB0067592 kỳ hạn 03 tháng, giá trị 5.486.402.984 VND.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu kỳ VND		Trong kỳ VND		Số cuối kỳ VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	483.375.320	483.375.320	371.675.094	(154.632.430)	700.417.984	700.417.984
	483.375.320	483.375.320	371.675.094	(154.632.430)	700.417.984	700.417.984

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	61.700.000	-
- Số phải trả sau 12 tháng	421.675.320	700.417.984

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có hợp đồng vay trung hạn như sau:

- Tại ngày 07 tháng 12 năm 2016, Công ty ký hợp đồng số 01/2016-HĐTD/NHCT127-HTTD-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay thanh toán chi phí sửa chữa nhà làm việc G9 của Công ty. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 1.838.595.142 VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/1 năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Tài sản bảo đảm là một phần chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số VB0067592 trị giá 5.486.402.984 VND theo Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cầm cố giấy tờ số 01/2017-HĐCC-SĐBS02/NHCT127-TVSD ngày 24 tháng 01 năm 2017.

2500
IG T
EM H
OIT
NA
- TP

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay trung hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	-	61.700.000
Trong hai đến năm năm	700.417.984	421.675.320
	<u>700.417.984</u>	<u>483.375.320</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Xem Thuyết minh số 17)	-	61.700.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>700.417.984</u>	<u>421.675.320</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu (i)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Số dư tại ngày 01/01/2016	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.148.748.099	3.667.755.344	51.415.602.155
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.544.942.407	1.544.942.407
Trích lập các quỹ	-	-	-	138.710.214	(1.058.107.344)	(919.397.130)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.287.458.313	1.544.942.407	49.431.499.432
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Số dư tại ngày 01/01/2017	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.287.458.313	3.441.583.246	51.328.140.271
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	1.567.170.835	1.567.170.835
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	100.000.000	(831.873.246)	(731.873.246)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(2.609.710.000)	(2.609.710.000)
Số dư tại ngày 30/6/2017	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.387.458.313	1.567.170.835	49.553.727.860

- (i) Vốn khác của chủ sở hữu là phần vốn Công ty sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển để mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh và dùng để góp vốn đầu tư vào các đơn vị nhận đầu tư góp vốn theo Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 32/NQ/2017/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017, Công ty đã phân bổ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 như sau: quỹ đầu tư phát triển là 100.000.000 VND; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 581.873.246 VND; quỹ thưởng cho Ban quản lý, điều hành là 150.000.000 VND và phân chia cổ tức năm 2016 là 2.609.710.000 VND. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa thanh toán khoản cổ tức năm 2016 này.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	62	62
+ Cổ phiếu phổ thông	62	62
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 26.097.100.000 VND, và đã được các bên góp vốn đủ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017, chi tiết như sau:

	Tỷ lệ góp vốn tại cuối kỳ	Vốn đã góp	
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	%	VND	VND
Tổng Công ty Sông Đà	51%	13.309.520.000	13.309.520.000
Cổ đông khác	49%	12.787.580.000	12.787.580.000
Tổng cộng	100%	26.097.100.000	26.097.100.000

20. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
USD	USD	3.973,29	3.790,51

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động tư vấn. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động tư vấn nêu trên.

Công ty có hoạt động kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

	<u>Hoạt động tại Việt Nam</u> <u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Hoạt động ngoài Việt Nam</u> <u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Doanh thu thuần	15.345.329.654	16.826.960.872	32.172.290.526
Chi phí hoạt động kinh doanh	11.925.649.968	13.077.102.278	25.002.752.246
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	3.419.679.686	3.749.858.594	7.169.538.280
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.169.538.280
Chi phí quản lý doanh nghiệp			4.360.739.199
Doanh thu hoạt động tài chính			248.966.348
Lỗ khác			(785.239.055)
Chi phí tài chính			135.911.023
Lợi nhuận trước thuế			2.136.615.351
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			569.444.516
Lợi nhuận trong kỳ			1.567.170.835

	<u>Hoạt động tại Việt Nam</u> <u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>	<u>Hoạt động ngoài Việt Nam</u> <u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu thuần	17.347.832.476	12.631.039.045	29.978.871.521
Chi phí hoạt động kinh doanh	12.933.809.815	9.417.168.226	22.350.978.041
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	4.414.022.661	3.213.870.819	7.627.893.480
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.627.893.480
Chi phí quản lý doanh nghiệp			6.005.438.357
Doanh thu hoạt động tài chính			642.754.005
Lỗ khác			(278.531.935)
Chi phí tài chính			103.011.684
Lợi nhuận trước thuế			1.883.665.509
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			338.723.102
Lợi nhuận trong kỳ			1.544.942.407

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.078.085.200	1.179.100.434
Chi phí nhân công	23.299.040.563	22.809.614.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.918.871	420.471.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.783.349.153	6.586.931.043
Chi phí khác	182.804.026	1.212.224.659
	<u>31.652.197.813</u>	<u>32.208.342.265</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	248.858.772	402.754.005
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	238.050.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.576	1.950.000
	<u>248.966.348</u>	<u>642.754.005</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	137.391.905	88.187.607
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(21.480.882)	14.824.077
Chi phí tài chính khác	20.000.000	-
	<u>135.911.023</u>	<u>103.011.684</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	54.681.818
Các khoản khác	5.368.172	10.909.090
	<u>5.368.172</u>	<u>65.590.908</u>

00
CỔ
CH
EI
JI
GE

26. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	710.607.227	-
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	80.000.000	344.000.001
Chi phí khác	-	122.842
	790.607.227	344.122.843

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	3.690.547.249	4.134.560.026
Chi phí bằng tiền khác	691.283.562	731.478.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.359.338	399.067.030
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng	(716.985.682)	164.073.192
Chi phí vật liệu quản lý	217.028.586	188.044.676
Thuế, phí và lệ phí	128.818.734	197.893.118
Chi phí đồ dùng văn phòng	79.687.412	118.779.973
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	71.541.966
	4.360.739.199	6.005.438.357

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	569.444.516	338.723.102
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	569.444.516	338.723.102

12/ NG HIỆN LOI T I A - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN

Chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	2.136.615.351	1.883.665.509
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	710.607.227	48.000.000
- Tiền truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế	710.607.227	-
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất, kinh doanh	-	48.000.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	(238.050.000)
- Cổ tức được chia trong kỳ	-	(238.050.000)
Lợi nhuận tính thuế	2.847.222.578	1.693.615.509
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	569.444.516	338.723.102

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	493.591.061	493.591.061
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.974.364.245	1.974.364.245
Sau năm năm	15.959.444.312	16.206.239.843
	18.427.399.618	18.674.195.149

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 996,4 m² đất Nhà nước cho thuê 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm là nơi đặt trụ sở chính của Công ty, địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m²/năm với 869,9 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường và 268.797 VND/m²/năm với 96,5 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch trọng yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Chiến	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Đà Điện Biên	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan trọng yếu:

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu cung ứng dịch vụ	16.978.832.014	11.473.014.272
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	9.109.343.218	6.559.061.394
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	5.715.702.019	480.378.462
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	981.045.960	756.488.655
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	808.658.126	2.165.183.498
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	147.875.464	793.785.963
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	117.324.830	482.851.999
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	72.674.397	235.264.301
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	26.208.000	-

HỢP TÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan trọng yếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.763.542.552	30.089.322.568
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.301.591.751	3.374.960.965
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.252.896.478	3.252.896.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.415.551.690	2.409.812.944
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Nậm Chiến	2.297.955.824	2.052.500.604
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	1.822.822.562	1.822.822.562
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.793.767.823	2.771.285.614
Tổng Công ty Sông Đà	1.575.168.609	1.575.168.609
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.352.831.129	1.904.360.080
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.285.778.533	1.496.871.892
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.100.722.881	2.134.160.016
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	577.093.481	1.307.121.013
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Đà Điện Biên	381.549.699	381.549.699
Phải thu khách hàng dài hạn	3.838.611.848	1.976.566.278
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.797.073.739	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Tổng Công ty Sông Đà	516.350.871	516.350.871
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Đà Điện Biên	284.824.541	284.824.541
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	190.215.569	286.619.417
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	117.970.028	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	76.316.345	32.910.694
Phải thu khác ngắn hạn	2.034.988.077	2.034.988.077
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077
Cố tức phải trả	1.330.952.000	-
Tổng Công ty Sông Đà	1.330.952.000	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	482.390.932	383.177.666
	482.390.932	383.177.666

C.T.T.VN
HẠN
T.A. NỘI

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 không bao gồm 55.747.646 VND (kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 0 VND), là số tiền dùng để xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đang thực hiện thoái phần vốn tại Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada theo Quyết định số 56/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2017. Theo Quyết định này, hình thức chào bán phần vốn góp là cho các thành viên góp vốn còn lại trong Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada. Nếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán cổ phần vốn góp cho các thành viên còn lại, còn dư phần vốn góp do các thành viên góp vốn còn lại không mua hoặc mua không hết thì Công ty sẽ chào bán cho các đối tượng khác không phải thành viên góp vốn của Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada với giá khởi điểm là 520.758.180 VND theo hình thức đấu giá. Hạn gửi văn bản về nhu cầu nhận chuyển nhượng phần vốn góp theo Thư ngỏ chào bán phần vốn góp số 183/SDCC/TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2017 là ngày 02 tháng 8 năm 2017. Đến ngày phát hành báo cáo soát xét này, Công ty đang trình Hội đồng Quản trị báo cáo về kết quả phần vốn góp chào bán thành công là 406.191.380 VND và phần vốn góp chào bán không thành công (tính theo nguyên giá) là 104.280.000 VND tương đương giá trị 114.566.800 VND (theo giá trị định giá). Phần vốn góp chào bán không thành công này sẽ được tổ chức đấu giá theo đúng phương án đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt tại Quyết định số 56/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2017.



Phạm Minh Thuận
Người lập biểu



Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng



Đinh Văn Duẩn
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 245/SDCC -TCKT
(V/v: Công bố báo cáo Tài chính
Tổng hợp bán niên năm 2017)

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017


Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà
2. Mã chứng khoán: SDC
3. Trụ sở chính: Nhà G9 – Số 495 – Đường Nguyễn Trãi – Phường Thanh Xuân – Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại : 043.8542209 Fax: 043.8545855
5. Người công bố thông tin: Đinh Văn Duẩn
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2017 đã được soát xét của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà lập ngày 11/8/2017 bao gồm: Báo cáo của ban Tổng giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sdcc.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây đúng là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận: 
- Như trên (theo k/g);
- Lưu TCKT, TCHC.



Đinh Văn Duẩn